



fā shēng qì
发生器

noun · generator

Example Sentences

Zhè ge fā shēng qì kě yǐ chǎn shēng gāo yā diàn liú.
这个发生器可以产生高压电流。

This generator can produce high-voltage current.

Shí yàn shì lǐ xīn ān zhuāng le yī tái chòu yǎng fā shēng qì.
实验室里新安装了一台臭氧发生器。

A new ozone generator was installed in the lab.

Trace each character, then write the word on your own.

发	发	发	发	发	发	发	发				
生	生	生	生	生	生	生	生				
器	器	器	器	器	器	器	器	器	器	器	器
器	器	器	器	器	器	器	器				